

KẾT QUẢ
KIỂM TRA XÁC NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG HÀN BẬC 4 (TƯƠNG ĐƯƠNG TOPIK 4)
(Đợt 04 năm 2026, 25/4/2026)
(Ban hành theo Quyết định số 2289/MYH26/VHU/QĐ ngày 4 tháng 6 năm 2026)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	Tổng		
1	VHU.THB4.04.001	211A150228	Lư Vọng	An	29/09/2003	Vĩnh Long	62.5	62.0	43.0	167.5	Đậu	
2	VHU.THB4.04.002	211A150276	Lê Trần Văn	Anh	26/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	90.0	58.0	47.0	195.0	Đậu	
3	VHU.THB4.04.003	211A150131	Ngô Thị Huỳnh	Anh	04/07/2003	An Giang	55.0	70.0	47.0	172.0	Đậu	
4	VHU.THB4.04.004	201A150074	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	06/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	62.5	72.0	45.5	180.0	Đậu	
5	VHU.THB4.04.005	181A150117	Phạm Đăng	Cường	18/12/2000	Tây Ninh	68.0	56.0	69.0	193.0	Đậu	Bảo lưu: Nghe: 68; Đọc: 56
6	VHU.THB4.04.006	211A150165	Võ Thị Mỹ	Đình	29/11/2003	Lâm Đồng	90.0	90.0	54.5	234.5	Đậu	
7	VHU.THB4.04.007	211A150256	Nguyễn Kiều	Duyên	29/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	97.5	92.0	47.5	237.0	Đậu	
8	VHU.THB4.04.008	211A150237	Đình Châu	Giang	17/10/2003	Đồng Tháp	42.5	56.0	37.5	136.0	Rớt	
9	VHU.THB4.04.009	211A150166	Nguyễn Thị	Hải	04/03/2003	Khánh Hòa	65.0	48.0	37.0	150.0	Đậu	
10	VHU.THB4.04.010	211A150173	Nguyễn Hoàng Như	Hân	23/04/2003	Gia Lai	57.5	64.0	48.5	170.0	Đậu	Bảo lưu: Đọc: 64
11	VHU.THB4.04.011	191A150144	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	02/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	52.5	34.0	20.0	106.5	Rớt	
12	VHU.THB4.04.012	211A290006	Phạm Hồng	Hiếu	08/07/2003	Thành phố Đồng Nai	62.5	56.0	31.5	150.0	Đậu	
13	VHU.THB4.04.013	201A150038	Trần Thị Kim Xuân	Hoa	26/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	72.5	74.0	29.5	176.0	Đậu	

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	Tổng		
14	VHU.TH4.04.014	201A040072	Võ Sông	Hương	13/05/2002	Gia Lai	100.0	96.0	59.5	255.5	Đậu	
15	VHU.TH4.04.015	211A150088	Vũ Ngọc Bảo	Khánh	30/09/2003	An Giang	57.5	62.0	48.5	168.0	Đậu	
16	VHU.TH4.04.016	211A150043	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	11/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	52.5	76.0	48.5	177.0	Đậu	
17	VHU.TH4.04.017	211A150281	Huỳnh Ngọc	Liên	11/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	52.5	82.0	48.5	183.0	Đậu	
18	VHU.TH4.04.018	211A150236	Nguyễn Ngọc Xuân	Mai	17/02/2003	Tây Ninh	62.5	72.0	52.0	186.5	Đậu	Bảo lưu: Nghe: 62.5
19	VHU.TH4.04.019	181A150198	Nguyễn Quỳnh	My	19/09/2000	Thành Phố Hồ Chí Minh	75.0	62.0	39.0	176.0	Đậu	Bảo lưu: Đọc: 62
20	VHU.TH4.04.020	211A150092	Huỳnh Thị Bảo	Ngân	27/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	55.0	56.0	49.0	160.0	Đậu	
21	VHU.TH4.04.021	211A150299	Nguyễn Phạm Minh	Ngân	03/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	50.0	48.0	55.0	153.0	Đậu	
22	VHU.TH4.04.022	211A150103	Lương Thị Kim	Ngân	16/12/2003	Đồng Tháp	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	Rớt	Vắng
23	VHU.TH4.04.023	211A150108	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	20/04/2003	Đắk Lắk	72.5	66.0	48.5	187.0	Đậu	
24	VHU.TH4.04.024	221A150092	Trương Thị Kim	Ngọc	16/07/2004	Lâm Đồng	97.5	94.0	48.5	240.0	Đậu	
25	VHU.TH4.04.025	211A150095	Nguyễn Trọng	Nguyên	29/10/2002	Tây Ninh	68.0	50.0	22.0	140.0	Rớt	Bảo lưu: Nghe: 68; Đọc: 50
26	VHU.TH4.04.026	211A150045	Vũ Văn	Nguyên	23/09/2003	Đắk Lắk	50.0	46.0	2.0	98.0	Rớt	
27	VHU.TH4.04.027	211A150234	Đặng Xuân	Nhân	29/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	52.5	58.0	33.0	143.5	Rớt	Bảo lưu: Nghe: 52.5; Đọc: 58
28	VHU.TH4.04.028	191A150059	Lê Thị	Nhẫn	04/09/2000	Quảng Ngãi	37.5	80.0	47.5	165.0	Đậu	
29	VHU.TH4.04.029	211A150226	Đào Ngọc Châu	Nhi	28/01/2003	Tây Ninh	95.0	94.0	61.5	250.5	Đậu	

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	Tổng		
30	VHU.THB4.04.030	211A150283	Lê Thị Huỳnh	Như	27/02/2003	Lâm Đồng	75.0	60.0	37.0	172.0	Đậu	
31	VHU.THB4.04.031	201A210060	Huỳnh Văn	Phát	15/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	50.0	90.0	46.5	186.5	Đậu	
32	VHU.THB4.04.032	211A150104	Hồ Thanh	Quảng	20/01/2003	Lâm Đồng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	Rớt	Vắng
33	VHU.THB4.04.033	211A150293	Nguyễn Hoàng Thuý	Quyên	24/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	95.0	90.0	50.0	235.0	Đậu	
34	VHU.THB4.04.034	211A150075	Lại Như	Quyên	08/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	95.0	90.0	50.0	235.0	Đậu	
35	VHU.THB4.04.035	211A150009	Phan Chung	Thắng	03/11/2003	An Giang	97.5	90.0	52.0	239.5	Đậu	
36	VHU.THB4.04.036	211A150128	Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo	31/08/2003	Lâm Đồng	65.0	66.0	22.0	153.0	Đậu	
37	VHU.THB4.04.037	211A150056	Nguyễn Nhật Kim	Thoa	17/05/2003	Khánh Hòa	90.0	96.0	48.0	234.0	Đậu	
38	VHU.THB4.04.038	211A150153	Võ Hoàng Anh	Thư	25/09/2003	Tây Ninh	62.5	66.0	34.0	162.5	Đậu	
39	VHU.THB4.04.039	211A150090	Trần Thị Thanh	Thúy	04/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	62.5	62.0	29.0	153.5	Đậu	
40	VHU.THB4.04.040	211A150253	Tạ Quách Thủy	Tiên	19/07/2003	Thành phố Đồng Nai	57.5	82.0	48.0	187.5	Đậu	
41	VHU.THB4.04.041	211A150249	Bùi Thị Ngọc	Trâm	13/12/2003	Đồng Tháp	67.5	54.0	48.0	169.5	Đậu	Bảo lưu: Nghe: 67.5; Đọc: 54
42	VHU.THB4.04.042	201A150196	Nguyễn Thị Huyền	Trang	19/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	75.0	72.0	60.5	207.5	Đậu	
43	VHU.THB4.04.043	211A150042	Đỗ Phạm Huyền	Trang	14/12/2002	Lâm Đồng	67.5	54.0	56.5	178.0	Đậu	
44	VHU.THB4.04.044	211A150160	Tô Gia	Tuệ	21/11/2003	Tây Ninh	57.5	44.0	5.0	106.5	Rớt	
45	VHU.THB4.04.045	211A150320	Huỳnh Ngọc Vân	Tuyền	17/03/1997	Tây Ninh	77.5	80.0	47.0	204.5	Đậu	

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	Tổng		
46	VHU.THB4.04.046	211A150301	Hoàng Trịnh Thảo	Vân	03/11/2003	Lâm Đồng	90.0	94.0	55.0	239.0	Đậu	
47	VHU.THB4.04.047	211A150065	Nguyễn Hoàng Nhật	Vy	27/06/2003	Khánh Hòa	90.0	94.0	36.0	220.0	Đậu	
48	VHU.THB4.04.048	211A150304	Trương Ngọc Kim	Yến	18/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	92.5	94.0	47.0	233.5	Đậu	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 48

Số thí sinh dự kiểm tra: 46

Số thí sinh vắng kiểm tra: 02

Số thí sinh đậu: 40

Số thí sinh rớt: 06

TUQ. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC

(Đã ký)

PGS. TS. TRẦN HUY HOÀNG